

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG /BC-VPUBND

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 02 năm 2019

ĐIỂN Số: 2019
Ngày: 27/02/2019

Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý I năm 2019

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2019

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công các cải cách hành chính trong Quý I năm 2019 như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

a) Nhiệm vụ được giao:

Theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng, Văn phòng UBND tỉnh được giao chủ trì thực hiện 04 nhiệm vụ CCHC của tỉnh, gồm:

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính năm 2019.
- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
- Tổ chức triển khai Đề án liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh.

- Tổ chức vận hành Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao:

Với nhiệm vụ được giao, trong Quý I năm 2019 Văn phòng UBND tỉnh đã triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản, chỉ đạo, điều hành CCHC liên quan đến ngành, lĩnh vực hoạt động của Văn phòng triển khai trên địa bàn tỉnh

Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 05 văn bản, gồm:

- Quyết định số 3502/QĐ-UBT ngày 28/12/2018 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng.

- Quyết định số 3503/QĐ-UBT ngày 28/12/2018 về Phê duyệt Danh sách công chức, viên chức do các Sở ngành cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng.

- Quyết định số 3504/QĐ-UBT ngày 28/12/2018 về Ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng với các Sở, ngành tỉnh trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

- Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2019 về Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 03/01/2019 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019.

3. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại Văn phòng UBND tỉnh

a) Về ban hành văn bản triển khai thực hiện:

Trong Quý I, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành 02 văn bản triển khai thực hiện công tác CCHC tại Văn phòng, cụ thể như sau:

- Kế hoạch số 01/KH-VPUBND ngày 11/01/2019 về Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019 tại Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Kế hoạch số 02/KH-VPUBND ngày 21/01/2019 về thực hiện cải cách hành chính năm 2018 tại Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng.

b) Đánh giá về tình hình, kết quả thực hiện

Tính đến cuối tháng 02/2019, Văn phòng triển khai thực hiện các phần việc CCHC tại cơ quan đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch đề ra.

4. Những giải pháp trong thực hiện CCHC

Để đảm bảo việc triển khai thực hiện CCHC năm 2019 tại Văn phòng UBND tỉnh đạt chất lượng hiệu quả và tiến độ theo yêu cầu, Văn phòng đã đưa ra

những giải pháp thực hiện, được nêu trong Kế hoạch 02/KH-VPUBND ngày 21/01/2019.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

1. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh

Đối với các nhiệm vụ CCHC được UBND tỉnh giao chủ trì thực hiện theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2018, Văn phòng UBND tỉnh đang triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

(có Báo cáo riêng)

2. Về nhân sự thực hiện nhiệm vụ CCHC của Văn phòng UBND tỉnh

a) Nhân sự phụ trách thực hiện nhiệm vụ CCHC

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Trần Hoàng Phong	Chánh Văn phòng	0913.890553
2	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Liêu Thanh Hương	Trưởng phòng Kiểm soát TTTC	0986.904204
		Phan Khoa Tấn	Phó Trưởng phòng Quản trị-Tài vụ	0918.304136
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Ngô Quang Thọ	Phó Trưởng phòng Tin học-Công báo	0918.566007
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Đặng Hồng Bửu Ngọc	Phó Trưởng phòng Hành chính-Tổ chức	0908.21955

b) Những kết quả đạt được trong triển khai thực hiện 06 nhiệm vụ cải cách hành chính

- **Về cải cách thể chế:** Văn phòng đã tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2014 - 2018 và gửi báo cáo về Sở Tư pháp (*Báo cáo số 02/BC-VPUBND ngày 04/01/2019*) thuộc lĩnh vực tham mưu ban hành của Văn phòng UBND tỉnh. Kết quả: Có 06 văn bản thuộc đối tượng rà soát; 06/06 văn bản còn hiệu lực.

- **Về cải cách thủ tục hành chính:** (có báo cáo riêng).

- **Về cải cách tổ chức bộ máy:** Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng tạm ngừng triển khai thực hiện Đề án sắp xếp tinh gọn bộ máy, chờ văn bản quy định của Chính phủ để thực hiện.

- **Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức:** Đang triển khai thực hiện.

- *Về cải cách tài chính công*: Văn phòng đã lấy ý kiến các đoàn thể, đơn vị thuộc Văn phòng để điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ.

- *Về công tác hiện đại hóa hành chính nhà nước*: Đang triển khai thực hiện.

c) *Số liệu cụ thể*: (có các biểu mẫu đính kèm)

*

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính trong Quý I năm 2019 của Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lưu: HC.





Biểu mẫu 1B
Thông kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của Văn phòng UBND tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0	0	0	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	0	0	0	0
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015	0	0	0	0	0
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	0	0	0	0
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0	0	0	0	0



Biểu mẫu 2B
Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND	0	
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	0	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	Rà soát VBQPPL		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	06	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	0	
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	0	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	



Biểu mẫu 3B

Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTTC tại các đơn vị, địa phương

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTTC	Có	Kế hoạch số 01/KH-VPUBND ngày 11/01/2019
2	Số lượng TTTC đã công khai tại Bảng niêm yết TTTC	06	03 TTTC thuộc lĩnh vực Quảng cáo; 03 TTTC thuộc lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm
3	Số lượng TTTC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử	06	www.vpub.soctrang.gov.vn
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	



Biểu mẫu 4B

Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của từng sở, ban ngành, đơn vị tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
I.	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh	06	06	06	0	06	06	06		988/QĐ-UBND ngày 22/6/2016
1.	Quảng cáo	03	03	03	0	03	03	03		
2.	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	03	03	03	0	03	03	03		



Biểu mẫu 5B

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp sở ngành, cấp huyện

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Văn phòng UBND tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số = (I) + (II)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	



Biểu mẫu 6B

Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình giảm biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn					
I	Văn phòng UBND tỉnh	12	0	4				25	+1			75	+5	0	0	



Biểu mẫu 7B

Thông kê số liệu về CBCCVC tại từng sở ban ngành, UBND cấp huyện

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HĐ chuyên môn		Đào tạo	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Có KH tuyển dụng	Chi tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên		TX	TH
I	Văn phòng UBND tỉnh	66	0	66	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0



Biểu mẫu 8B

Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ tại các đơn vị, địa phương

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	1	Văn phòng UBND tỉnh
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	Không có
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	Không có
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	Không có
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	Không có



Biểu mẫu 9B

Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại sở ngành, UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	1/1	0	Ban Tiếp công dân tỉnh Sóc Trăng
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	0/0		
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0/0		
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0/0		
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0/0		
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	0/0		



Biểu mẫu 10B

Thông kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I.	Cơ quan cấp tỉnh													
1.	Văn phòng UBND tỉnh	3.640	3.640	3.094	6.734	3	0	0	0	0	0	0	0	



Biểu mẫu 11B

Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại các đơn vị, địa phương

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I.	Cơ quan cấp tỉnh				
1.	Văn phòng UBND tỉnh	239 (TTHC theo cơ chế một cửa liên thông)			Trong kỳ nhận, trả 276 TTHC; sở, ngành gửi nhận trực tiếp tại Bộ phận một cửa Văn phòng UBND tỉnh.



Biểu mẫu 13B

Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại sở, ngành. UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO		Thực hiện trong quý 2/2019
2	Thực hiện đánh giá nội bộ		Thực hiện trong quý 2/2019
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng		Thực hiện trong quý 2/2019
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng		Thực hiện trong quý 2/2019
5	Nội dung khác		



Biểu mẫu 14

Phiên bản mới hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết			
I	Cấp tỉnh						
1.	Văn phòng UBND tỉnh	0	0	0	0	0	0